

UBND THÀNH PHỐ LÀO CAI  
TRƯỜNG TH HOÀNG VĂN THỤ

Số: 01/TB-HVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cốc Lếu, ngày 11 tháng 3 năm 2024

## THÔNG BÁO

**Kết quả kiểm tra thực hiện các chế độ, chính sách của giáo viên, học sinh; mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản, trang thiết bị dạy học; công tác nội trú, bán trú, an ninh, an toàn trường học đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Lào Cai năm 2022 và năm 2023**

Thực hiện Thông báo số 08/TB-PGD&ĐT ngày 08/3/2024 của Phòng GD&ĐT thành phố Lào Cai về Kết quả kiểm tra thực hiện các chế độ, chính sách của giáo viên, học sinh; mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản, trang thiết bị dạy học; công tác nội trú, bán trú, an ninh, an toàn trường học đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Lào Cai năm 2022 và năm 2023;

Trường tiểu học Hoàng Văn Thụ thực hiện việc niêm yết công khai Kết quả kiểm tra thực hiện các chế độ, chính sách của giáo viên, học sinh; mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản, trang thiết bị dạy học; công tác nội trú, bán trú, an ninh, an toàn trường học đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Lào Cai năm 2022 và năm 2023, cụ thể như sau:

### 1. Nội dung niêm yết

Thông báo số 08/TB-PGD&ĐT ngày 08/3/2024 của Phòng GD&ĐT thành phố Lào Cai về Kết quả kiểm tra thực hiện các chế độ, chính sách của giáo viên, học sinh; mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản, trang thiết bị dạy học; công tác nội trú, bán trú, an ninh, an toàn trường học đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Lào Cai năm 2022 và năm 2023.

### 2. Địa điểm niêm yết

Niem yết trên bảng công khai tại phòng Hội đồng Trường tiểu học Hoàng Văn Thụ (Số 009, đường Nguyễn Hiền, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai), công khai trên Website của nhà trường toàn văn Thông báo số 08/TB-PGD&ĐT ngày 08/3/2024.

**3. Số lượng:** 01 bản Thông báo số 08/TB-PGD&ĐT ngày 08/3/2024 (gồm 08 trang).

**4. Thời gian niêm yết:** 30 ngày liên tục, kể từ ngày 15/7/2022 đến hết ngày 14/8/2022.

Trên đây là Thông báo số 08/TB-PGD&ĐT ngày 08/3/2024 của Phòng GD&ĐT thành phố Lào Cai về Kết quả kiểm tra thực hiện các chế độ, chính sách của giáo



viên, học sinh; mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản, trang thiết bị dạy học; công tác nội trú, bán trú, an ninh, an toàn trường học đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Lào Cai năm 2022 và năm 2023. Trường tiểu học Hoàng Văn Thụ thông báo để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan biết và thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo nhà trường;
- Các tổ Chuyên môn, tổ Văn phòng;
- Website nhà trường;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Thị Lan Anh**



## THÔNG BÁO

**Kết quả kiểm tra thực hiện các chế độ, chính sách của giáo viên, học sinh; mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản, trang thiết bị dạy học; công tác nội trú, bán trú, an ninh, an toàn trường học đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Lào Cai năm 2022 và năm 2023**

Kính gửi: Các trường Mầm non, phổ thông thành phố Lào Cai.

Căn cứ Kế hoạch số 231/KH-SGD&ĐT ngày 20/12/2023 của Sở GD&ĐT Lào Cai về kiểm tra việc thực hiện các chế độ, chính sách của giáo viên, học sinh; mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản, trang thiết bị dạy học; công tác nội trú, bán trú, an ninh, an toàn trường học năm 2022 và năm 2023;

Căn cứ báo cáo số 27/BC-UBND ngày 16/01/2024 của UBND thành phố Lào Cai về việc kết quả kiểm tra thực hiện các chế độ, chính sách của giáo viên, học sinh (GV, HS); mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản, trang thiết bị dạy học; công tác nội trú, bán trú, an ninh, an toàn trường học năm 2022 và năm 2023;

Căn cứ Biên bản của các Đoàn kiểm tra, Phòng GD&ĐT thành phố thông báo Kết quả kiểm tra, cụ thể như sau:

### I. KHÁI QUÁT CHUNG

**1. Quy mô trường, lớp, học sinh:** Năm học 2023-2024, thành phố Lào Cai có 72 trường mầm non, phổ thông và 35 lớp Mầm non độc lập tư thục: Mầm non 32 trường (19 công lập, 13 tư thục), tiểu học: 19 trường, Trung học cơ sở: 17 trường; THPT: 04 trường. Toàn ngành có 1117 lớp (mầm non: 374 lớp (207 lớp công lập và 167 lớp tư thục), tiểu học 454 lớp, THPT 289 lớp). Có 36.469 học sinh (MN: 9.804 trẻ; tiểu học: 15.625 học sinh; THPT: 11.040 học sinh). So năm học 2022-2023, giảm 01 trường, tăng 14 lớp, với 203 học sinh.

### 2. Đội ngũ, cơ sở vật chất

- Toàn ngành có tổng số 1866 biên chế cán bộ, giáo viên, nhân viên; hợp đồng 68: 23 chỉ tiêu (cấp mầm non: 465 chỉ tiêu, cấp tiểu học: 766 chỉ tiêu; cấp THPT: 623 chỉ tiêu).

- Cơ sở vật chất: Phòng học: Tổng số 1093 phòng, trong đó: Xây mới: 42 phòng, 02 nhà đa năng; sửa chữa: 197 phòng học và phòng chức năng

### II. KẾT QUẢ KIỂM TRA

#### 1. Kết quả triển khai thực hiện các nội dung được kiểm tra

- Tổng số trường được kiểm tra: 38 trường

- Trong đó:

+ Mầm non: 12 trường

+ Tiểu học: 12 trường

+ THPT: 14 trường

- Kết quả chi tiết (trong các phụ lục kèm theo)



## 2. Đánh giá chung

### 2.1. Ưu điểm

(1) Các nhà trường đã triển khai, rà soát, tổng hợp chi trả chế độ kịp thời cho các đối tượng được hưởng chế độ chính sách của nhà nước (theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016; Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017; Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; Nghị quyết 29/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh Lào Cai...); các đơn vị tổ chức tự rà soát, kiểm tra, báo cáo công khai tình hình tài chính trong Hội nghị viên chức và Website của mỗi đơn vị.

(2) Thực hiện chế độ chính sách cho giáo viên, học sinh, người lao động; kiểm soát mua bán thực phẩm phục vụ bữa ăn bán trú đảm bảo công khai, dân chủ, đúng quy trình, kịp thời, đúng quy định; công tác đầu thầu mua sắm đồ dùng, thiết bị dạy học được các cơ sở giáo dục thực hiện đúng quy trình, công khai đăng tải trên trang <https://muasamcong.mpi.gov.vn/> của Bộ kế hoạch và đầu tư; việc quản lý, sử dụng tài sản, trang thiết bị dạy học được quan tâm.

(3) Công tác quản lý bán trú được kiểm soát thường xuyên, tổ chức ăn đúng thực đơn, thực hiện tốt công khai hàng ngày. Các trường thuộc xã Tả Phời, Thống Nhất có học sinh ở nội trú, bán trú tích cực huy động hỗ trợ của các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức thiện nguyện trong công tác đảm bảo dinh dưỡng bữa ăn bán trú và đảm bảo các đồ dùng, dụng cụ phục vụ công tác chăm sóc, nuôi dưỡng cho học sinh bán trú; lãnh đạo các nhà trường tích cực tham mưu với cấp có thẩm quyền và triển khai các giải pháp tuyên truyền, vận động các tổ chức cá nhân tài trợ kinh phí để tăng cường xây dựng cơ sở vật chất; trường, lớp “sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn”.

(4) Tích cực tự kiểm tra nội bộ; Thực hiện nghiêm túc cam kết an toàn giao thông; có phương án đảm bảo PCCC, nhiều giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh trường học; một số cơ sở thực hiện đổi mới công tác truyền thông, công tác đối thoại với cha mẹ học sinh hiệu quả và đồng thuận cao; tích cực kiểm soát các hoạt động giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống, giá trị sống cho học sinh; quản lý, xây dựng môi trường giáo dục, các hoạt động giáo dục với nhiều nội dung sáng tạo, hiệu quả.

### 2.2. Tồn tại, hạn chế

(1) Công tác tuyên truyền về các chế độ chính sách, an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn an ninh trường học chưa thường xuyên, nội dung và hình thức tuyên truyền chưa đa dạng, chưa phong phú; việc thực hiện quy trình xét duyệt còn thiếu cơ sở pháp lý (thiếu Quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt học sinh được hưởng chế độ tại các cơ sở giáo dục, chưa chú trọng thực hiện quy chế công khai, dân chủ).

(2) Việc quản lý, khai thác và sử dụng đồ dùng, trang thiết bị dạy học còn chưa thường xuyên; chưa có kế hoạch mua sắm, sửa chữa, bổ sung đồ dùng thiết bị dạy học của nhà trường; có sử dụng đồ dùng nhưng không cập nhật vào hồ sơ kịp thời; chưa có biên bản giao nhận tài sản giữa hiệu trưởng nhà trường với các bộ phận trong đơn vị; quy chế chi tiêu nội bộ chưa thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm của từng cá nhân; việc quản lý, giám sát an toàn thực phẩm, kiểm thực ba bước còn hình thức.



(3) Hồ sơ quản lý dạy thêm, học thêm chưa đảm bảo theo quy định: Chưa có quy chế dạy thêm học thêm, chưa có quyết định miễn giảm tiền học thêm, bảng chấm công không khớp với danh sách thu tiền; Công tác kiểm tra nội bộ trường học còn tập trung nhiều vào hoạt động sư phạm nhà giáo, chưa bao quát hết các nội dung trong hoạt động giáo dục, hiệu quả kiểm tra chưa rõ nét, hồ sơ lưu trữ chưa đầy đủ, chưa khoa học.

(4) Chưa có hồ sơ hoạt động của Ban đại diện CMHS nhà trường; thực hiện chưa thường xuyên quy chế công khai, dân chủ; công tác kiểm tra, tự kiểm tra còn ít, chưa toàn diện, chưa đúng chỉ đạo của Sở GD&ĐT tại văn bản số 1470/SGD&ĐT-TTr ngày 30/8/2019.

(5) Việc thiết lập, lưu trữ, sắp xếp hồ sơ quản lý tài chính, thiết bị dạy học chưa khoa học, thiếu thông tin, thiếu cơ sở pháp lý, các căn cứ chưa chính xác, chất lượng hồ sơ không đảm bảo; chưa có kế hoạch mua sắm, đầu tư trang thiết bị về phòng cháy chữa cháy, còn có thiết bị đã hết hạn sử dụng nhưng chưa thay thế kịp thời, chưa có phương án PCCC.

### **III. YÊU CẦU SAU KIỂM TRA**

1. Các đơn vị tiếp tục rà soát, xét duyệt công khai học sinh hưởng chế độ chính sách theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP; Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017; Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; Nghị quyết 29/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh Lào Cai; Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 theo đúng quy trình; thực hiện nghiêm túc, kịp thời chế độ, chính sách đối với giáo dục dân tộc theo quy định hiện hành, đảm bảo kịp thời, không bị bỏ sót đối tượng; chú trọng đối chiếu khoản tài trợ bữa ăn bán trú với các chế độ chính sách của nhà nước đảm bảo đúng quy định; lưu trữ đầy đủ, đảm bảo đối với các hồ sơ, thủ tục liên quan đến chính sách giáo viên, học sinh theo quy định hiện hành.

2. Tổ chức nghiên cứu kỹ kết quả kiểm tra tại thông báo này; khắc phục những tồn tại sau kiểm tra, đồng thời tổ chức kiểm điểm, làm rõ vai trò trách nhiệm của từng cá nhân có liên quan đến những tồn tại, hạn chế. Báo cáo thực hiện khắc phục, tồn tại, hạn chế của đoàn kiểm tra đã nêu ra tại Thông báo này **trước ngày 15/3/2024** (qua bộ phận chuyên môn Phòng GD&ĐT thành phố, Đ/c Hữu; hồ sơ gồm: (1) Kế hoạch khắc phục sau kiểm tra, (2) Báo cáo thực hiện Thông báo kết quả kiểm tra, (3) biên bản họp kiểm điểm của đơn vị, (4) bản tự kiểm điểm của các cá nhân có liên quan đến tồn tại, hạn chế nêu trong Thông báo kết quả kiểm tra).

3. Tăng cường phối hợp cơ quan, ban ngành liên quan, chính quyền địa phương tuyên truyền các chế độ chính sách của giáo viên và học sinh; tuyên truyền thực hiện Quyết định số 861/QĐ-TTg và Quyết định số 612/QĐ-UBND tại các nhà trường. Các trường thuộc xã Tả Phời, Đồng Tuyển, Hợp Thành, Cốc San, Thống Nhất tập trung tuyên truyền những thay đổi về chế độ, chính sách liên quan đến học sinh vùng dân tộc thiểu số để nhân dân hiểu rõ và chủ động thực hiện theo các quy định mới, góp phần tạo sự đồng thuận, đoàn kết, nhất trí của nhân dân.

4. Các trường có học sinh bán trú ưu tiên các nguồn lực, tích cực xã hội hoá để bổ sung, hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học



cho học sinh ở nội trú, bán trú theo hướng đồng bộ, đạt chuẩn quốc gia đáp ứng tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục học sinh bán trú và thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Trên đây là Thông báo kết quả kiểm tra thực hiện các chế độ, chính sách của giáo viên, học sinh; mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản, trang thiết bị dạy học; công tác nội trú, bán trú, an ninh, an toàn trường học đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn thành phố Lào Cai năm 2022 và năm 2023 của Phòng GD&ĐT thành phố Lào Cai. Đề nghị Hiệu trưởng các trường mầm non, phổ thông nghiêm túc thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo UBND TP;
- Ông Ngô Vũ Quốc-PCT.UBND TP;
- Lãnh đạo Phòng GD&ĐT;
- Lưu: VT, CM.



**TRƯỞNG PHÒNG**

**Trần Thị Thuỳ Dung**

**PHỤ LỤC 1**

**Trường Mầm non Hoa Mai, thành phố Lào Cai**

(Kèm theo Thông báo số /TB-PGD&ĐT ngày /3/2024 của  
Phòng GD&ĐT thành phố Lào Cai)

## PHỤ LỤC 15

**Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ, thành phố Lào Cai**  
(Kèm theo Thông báo số /TB-PGD&ĐT ngày /3/2024 của  
Phòng GD&ĐT thành phố Lào Cai)

### ***1. Công tác triển khai thực hiện các chế độ chính sách giáo viên, học sinh; mua sắm thiết bị dạy học; công tác nội trú, bán trú...***

- Nhà trường đã tuyên truyền, triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của các cấp, ban hành đầy đủ quyết định thành lập tổ xét duyệt chế độ hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh; thành lập các tổ mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản, thiết bị dạy học, công tác nội trú, bán trú, an ninh, an toàn trường học đối với các cơ sở giáo dục...

\* ***Thực hiện các chế độ chính sách giáo viên, học sinh:*** Nhà trường triển khai các văn bản liên quan đến chế độ GV: Chế độ GV thể dục, tăng mức lương cơ sở, tăng lương trước thời hạn, tăng lương thường xuyên, thâm niên, chế độ...

\* ***Công tác công khai:*** Nhà trường đã công khai tài chính, công khai bữa ăn hằng ngày của trẻ em, học sinh bán trú tại trường trên Website; công khai theo Công văn 1378/UBND-GD&ĐT ngày 16/10/2023 của UBND thành phố Lào Cai; công khai các nội dung theo Thông tư 36 của Bộ GDĐT,...

\* ***Thực hiện mua sắm thiết bị lớp 3, 4:*** Hệ thống văn bản hướng dẫn, chỉ đạo phù hợp danh mục thiết bị; công tác mua sắm, đấu thầu; công tác quản lý, khai thác, sử dụng đảm bảo theo hình thức chỉ thầu; có quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế dân chủ, có quy chế quản lý tài sản

### ***2. Kiểm tra Công tác nội bộ, tự kiểm tra năm học 2022-2023; 2023-2024***

- Bám sát theo công văn 1470/SGD, có Kế hoạch kiểm tra nội bộ, tự kiểm tra năm học 2022-2023, 2023-2024 và thực hiện đảm bảo theo Kế hoạch.

+ Năm 2022-2023 đã tiến hành kiểm tra: Công tác bán trú; CSVC, đồ dùng thiết bị dạy học; Công tác tuyển sinh lớp 1; Hoạt động sư phạm (27 lượt GV); CSVC, An toàn trường học; Công tác y tế, các hoạt động đội,...

+ Năm 2023-2024 đã kiểm tra: Công tác bán trú; CSVC, đồ dùng thiết bị dạy học; công tác tuyển sinh lớp 1; Hoạt động sư phạm (22 lượt GV); CSVC, AT trường học; Công tác y tế trường học; Các hoạt động đội.

#### ***- Số chuyên đề tự kiểm tra, kết quả kiểm tra của nhà trường:***

+ 2022 -2023: 33 cuộc tự kiểm tra của nhà trường.

+ 2023 -2024: 28 cuộc tự kiểm tra của nhà trường.

Kết quả tự kiểm tra: Các cuộc kiểm tra có đủ biên bản kiểm tra, Kết luận kiểm tra, Thông báo kết quả kiểm tra (Báo cáo kết quả kiểm tra) của từng cuộc kiểm tra.

Tồn tại: Một số cuộc kiểm tra thiếu Quyết định, kế hoạch.

#### ***- Kết quả công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan có thẩm quyền:***

+ 2022 -2023: 05 cuộc kiểm tra của: (Kiểm tra công tác Y tế trường học của Trung tâm Y tế thành phố; An toàn thực phẩm (3 cuộc); ATAN trường học của Sở văn hóa TDTT; năm học 2023 -2024 kiểm tra: 5 cuộc; An toàn bán trú; công tác Y



tế trường học của TT Y tế thành phố; UBND phường Cốc Lếu kiểm tra công tác CSVN (2 cuộc).

\* **Tồn tại:** Chưa sắp xếp theo quy định; hồ sơ lưu trữ chưa khoa học.

- Hồ sơ kiểm tra chưa đủ minh chứng lưu trữ theo hướng dẫn tại văn bản 1470/SGD (Kế hoạch, quyết định kiểm tra từng nội dung kiểm tra)

- Một số nội dung (2 buổi/ngày, cảnh quan trường lớp, SGK, đồ dùng học tập; CTGDPT, UDCNTT, chuyển đổi số, kiểm soát chất lượng, các dịch vụ,...) chỉ có biên bản kiểm tra.

- Nội dung kiểm tra tập trung nhiều vào hoạt động sư phạm nhà giáo (thiếu Kế hoạch, quyết định).

### **3. Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP**

#### **3.1. Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP**

Năm 2022 và Năm 2023: Không

#### **3.2. Kinh phí hỗ trợ tiền ăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP**

Năm 2022 và Năm 2023: Không

#### **3.3. Hỗ trợ theo Nghị định 57/2017/NĐ-CP**

##### **a) Năm 2022**

- Từ tháng 01 đến tháng 8/2022: Số đối tượng được hỗ trợ: 03 học sinh, kinh phí 14.304.000 đồng; số kiểm tra: 03 trẻ em, kinh phí 14.304.000 đồng

- Từ tháng 9 đến tháng 12/2022: Số đối tượng được hỗ trợ: 04 học sinh, kinh phí 9.536.000 đồng; số kiểm tra: 04 trẻ em, kinh phí 9.536.000 đồng

##### **b) Năm 2023**

- Từ tháng 01 đến tháng 8/2023: Số đối tượng được hỗ trợ: 04 học sinh, kinh phí 19.072.000 đồng; số kiểm tra: 04 trẻ em, kinh phí 19.072.000 đồng

- Từ tháng 9 đến tháng 12/2023: Số đối tượng được hỗ trợ: 02 học sinh, kinh phí 5.760.000 đồng; số kiểm tra: 02 trẻ em, kinh phí 5.760.000 đồng

- Đánh giá: Việc tổ chức xét duyệt thực hiện theo đúng Nghị định 57/2017/NĐ-CP, hồ sơ sắp xếp khoa học, đã chi trả tiền mặt cho phụ huynh

#### **3.4. Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP**

##### **a) Năm 2022**

- Từ tháng 01 đến tháng 5/2022: Số đối tượng được hỗ trợ: 05 học sinh, kinh phí 3.750.000 đồng; số kiểm tra: 05 trẻ em, kinh phí 3.750.000 đồng

- Từ tháng 9 đến tháng 12/2022: Số đối tượng được hỗ trợ: 05 học sinh, kinh phí 3.000.000 đồng; số kiểm tra: 05 trẻ em, kinh phí 3.000.000 đồng

##### **b) Năm 2023**

- Từ tháng 01 đến tháng 5/2023: Số đối tượng được hỗ trợ: 06 học sinh, kinh phí 4.500.000 đồng;

- Từ tháng 9 đến tháng 12/2023: Số đối tượng được hỗ trợ: 10 học sinh, kinh phí 6.000.000 đồng;

- Đánh giá: Việc tổ chức xét duyệt chế độ học sinh thực hiện theo đúng Nghị định 81/2021, hồ sơ sắp xếp khoa học, đã chi trả tiền mặt cho phụ huynh.

#### **3.5. Hỗ trợ theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC: Năm 2022 và Năm 2023: Không**

#### **3.6. Kinh phí hỗ trợ tiền ăn theo NQ số 29/2020/NQ-HĐND; Nghị quyết 09/2022/NQ-HĐND; NQ 15/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh**

Năm 2022 và Năm 2023: Không



### **3.7. Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP**

a) Năm 2022: Số đối tượng được hỗ trợ: 06 trẻ em, kinh phí 6.600.000 đồng; số kiểm tra: 06 trẻ em, kinh phí 6.600.000 đồng

- Nguyên nhân tăng, giảm (Nếu có)

- Đánh giá: Việc thực hiện thanh toán cho các đối tượng được hỗ trợ...

b) Năm 2023: Số đối tượng được hỗ trợ: 9 trẻ em, kinh phí 9.900.000 đồng; số kiểm tra: 09 trẻ em, kinh phí 9.900.000 đồng.

- Đánh giá: có đầy đủ hồ sơ theo quy định. Chi trả tiền mặt cho phụ huynh học sinh theo kỳ học đúng quy định.

### **3.8. Công tác mua sắm, quản lý, khai thác sử dụng tài sản, trang thiết bị dạy học của các cơ sở giáo dục.**

#### **Năm 2022 Gói thiết bị lớp 3**

- Số kinh phí được giao: 95.000.000 đồng

- Số kinh phí thực hiện: 88.695.000 đồng

- Số kiểm tra: 88.695.000 đồng

#### **Năm 2023 gói thiết bị lớp 4**

- Số kinh phí được giao: 98.730.000 đồng; Số kinh phí thực hiện: 91.101.800 đồng; Số kiểm tra: 91.101.800 đồng.

- Đánh giá việc triển khai thực hiện: Hệ thống văn bản hướng dẫn, chỉ đạo phù hợp danh mục thiết bị; công tác mua sắm, đấu thầu; công tác quản lý, khai thác, sử dụng đảm bảo.

### **3.9. Về thực hiện chế độ, chính sách tiền lương, phụ cấp, chế độ làm việc đối với CBQL, GV, NV các cơ sở giáo dục.**

- Tổng số CBQL, giáo viên, người lao động đến 30/12/2023: 52 người trong đó biên chế 49, hợp đồng 03 (trong đó 02 bảo vệ; 01 lao công).

- Chế độ chính sách, tiền lương và phụ cấp lương đối với CBQL, GV, NV được ngân sách nhà nước cấp đảm bảo.

### **4. Công tác quản lý chế độ dạy thêm, học thêm đối với giáo viên, học sinh: Không**

### **5. Quản lý, sử dụng các nguồn tài trợ cho giáo viên, học sinh, nhà trường: Không**

### **6. Công tác quản lý và tổ chức các hoạt động nội trú, bán trú, xây dựng cảnh quan trường lớp, vệ sinh an toàn thực phẩm, y tế, phòng cháy, chữa cháy; an ninh, an toàn trường học trong các cơ sở giáo dục.**

#### **\* Vệ sinh bán trú an toàn thực phẩm**

- Công tác bán trú: Nhà trường hợp đồng cung cấp thực phẩm với nhà cung cấp, đại diện phụ huynh. Các nhà cung cấp thực phẩm có đủ giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, đăng ký thuế, bản cam kết và các hồ sơ pháp lý khác. Có hợp đồng lao động, hồ sơ cơ bản đối với cô nuôi, cô trông trưa; có chứng nhận bếp ăn đảm bảo ATTP.

- Tổ chức các hoạt động nội trú, bán trú: Có đầy đủ hồ sơ về thực hiện công tác bán trú đảm bảo theo quy định, mức thu trong hợp đồng 20.000đ/xuất (đảm bảo đúng phê duyệt của UBND thành phố. Hồ sơ thu chi của năm 2022 -2023 đầy đủ; năm học 2023 - 2024 có đủ hoá đơn, chứng từ.

- Đã ban hành các văn bản (thông báo, nghị quyết, quy chế chi tiêu nội bộ, báo cáo) hướng dẫn thực hiện; quyết định thành lập hội đồng xét duyệt; quyết định



thành lập tổ quản lý bán trú; kế hoạch tổ chức bán trú; quyết định thành lập tổ khảo sát giá hàng hóa, lương thực, thực phẩm; ...

\* **Kiểm tra xây dựng cảnh quan trường lớp:** Cảnh quan trường lớp khang trang, hiện đại, sạch đẹp, Có đủ các phòng học, phòng chức năng các lớp trang trí đẹp, các phòng chức năng sắp xếp bố trí khoa học, đảm bảo mục đích sử dụng.

\* **Công tác y tế:**

- Có đủ hồ sơ theo quy định y tế trường học. Có nhân viên y tế chuyên trách (đang nghỉ chế độ); xây dựng triển khai công tác y tế cụ thể.

- Quy chế phối hợp với Trạm y tế Phường Cốc Lếu;

- Quy chế phối hợp nhà trường với gia đình, cộng đồng về chăm sóc sức khỏe học sinh.

- Quyết định thành lập Ban chăm sóc sức khỏe; Phòng chống dịch bệnh.

- 100% học sinh mua và có Thẻ y tế (trong đó có 04 Học sinh có hoàn cảnh được nhà trường hỗ trợ)

- Báo cáo công tác y tế trường học (1 lần/năm)

- Xây dựng quy định: Thực hiện dinh dưỡng cho học sinh; Tăng cường hoạt động thể lực cho học sinh; VSAT thực phẩm trong trường học; vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường; Phòng chống tai nạn thương tích; Trách nhiệm của giáo viên và người chăm sóc sức khỏe học sinh

**7. Công tác phòng cháy, chữa cháy (Kiểm tra theo Nội dung Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020.**

\* **Hồ sơ quản lý công tác PCCC:** Đang trình Công an thành phố thẩm định hồ sơ PCCC vì có dãy phòng học mới chưa được bàn giao CSVC.

Hồ sơ, thiết bị PCCC tương đối đầy đủ theo quy định.

\* **Tồn tại:** Chưa có chứng nhận Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc, thiếu sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy.

\* **Giảng dạy tích hợp ATGT:** Có nội dung tích hợp ATGT trong Kế hoạch môn học

- Khối 1,2,3,4: Nội dung ATGT được tích hợp trong các môn học, các bài học theo CT và SGK.

- Khối 5: Tích hợp trong:

+ Môn ĐĐ (5 tiết) Tài liệu ATGT cho nụ cười trẻ thơ; Bài 9: Tuân thủ luật Giao thông.

+ Môn khoa học (1 tiết) Bài 11: Phòng tránh tai nạn Giao thông đường bộ.

+ Môn Địa lí (1 tiết) Bài 8: Giao thông vận tải, thương mại và du lịch.

.....